

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子	コートNo.	20
壮年男子 ・ <u>壮年女子</u>	予選リーグ	A-1
ラージボール	決勝試合No.	

壮年女子	3 - 0	壮年女子
チーム名		チーム名
宮崎市		貝湯B
選手氏名		選手氏名

60	<u>松井</u>	3	13 - 11 11 - 4 11 - 4 - -	0	60	山本
----	-----------	---	---------------------------------------	---	----	----

50	<u>小玉</u> (B)	3	11 - 8 11 - 7 12 - 10 - -	0	50	本部 (5)
----	---------------	---	---------------------------------------	---	----	--------

D	<u>小玉</u> <u>松崎</u>	0	11 - 4 11 - 5 11 - 6 - -	0	D	後藤 山本 (4)
---	------------------------	---	--------------------------------------	---	---	--------------

40	<u>斎田</u>	3	11 - 4 11 - 5 11 - 7 - -	0	40	矢野 (5)
----	-----------	---	--------------------------------------	---	----	--------

フリー	<u>松崎</u>		11 - 3 11 - 5 - - -		フリー	後藤
-----	-----------	--	---------------------------------	--	-----	----

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子	コートNo.	21
壮年男子 ・ 壮年女子	予選リーグ	A-2
ラージボール	決勝試合No.	

壮年女子	3 - 0	壮年女子
チーム名		チーム名
延岡市		日南市
選手氏名		選手氏名

60	甲斐	3	11-7 11-4 11-0	0	60	坂元
----	----	---	----------------------	---	----	----

50	吉田	3	11-7 10-7 11-3	1	50	山本
----	----	---	----------------------	---	----	----

D	甲斐 松田	3	11-9 11-3 11-1	0	D	中津 坂元
---	----------	---	----------------------	---	---	----------

40	高橋	3	11-8 11-5 11-1	0	40	田中
----	----	---	----------------------	---	----	----

フリー	松田		11-2 11-4		フリー	徳村
-----	----	--	--------------	--	-----	----

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子		コートNo.	20																
壮年男子 ・ 壮年女子		予選リーグ	A-3																
ラージボール		決勝試合No.																	
壮年女子		壮年女子																	
チーム名		チーム名																	
宮崎市		日南市																	
選手氏名		選手氏名																	
60	松井	3	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>10</td></tr> <tr><td>12</td><td>-</td><td>10</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>5</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	11	-	10	12	-	10	11	-	5	-	-	-	-	-	-	0
11	-	10																	
12	-	10																	
11	-	5																	
-	-	-																	
-	-	-																	
50	小玉	3	<table border="1"> <tr><td>9</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>5</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>2</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>4</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	9	-	11	11	-	5	11	-	2	11	-	4	-	-	-	1
9	-	11																	
11	-	5																	
11	-	2																	
11	-	4																	
-	-	-																	
D	小玉 ^R 齋田	3	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>7</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>7</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>2</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	11	-	7	11	-	7	11	-	2	-	-	-	-	-	-	0
11	-	7																	
11	-	7																	
11	-	2																	
-	-	-																	
-	-	-																	
40	松崎 ⁺		<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>4</td></tr> <tr><td>12</td><td>-</td><td>10</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	11	-	4	12	-	10	-	-	-	-	-	-				
11	-	4																	
12	-	10																	
-	-	-																	
-	-	-																	
フリー	齋田		<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>7</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>4</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	11	-	7	11	-	4	-	-	-	-	-	-				
11	-	7																	
11	-	4																	
-	-	-																	
-	-	-																	
60	中津			60	中津														
50	山本			50	山本														
D	^S 坂元 中津			D	坂元 中津														
40	田中			40	田中														
フリー	中津			フリー	中津														

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子	コートNo.	21
壮年男子 ・ 壮年女子	予選リーグ	A-4
ラージボール	決勝試合No.	

壮年女子			壮年女子			
チーム名			チーム名			
延岡市			児湯郡			
選手氏名			選手氏名			
60	松田	3	11-8 11-5 11-4	0	60	山本
50	吉田	3	11-4 11-5 11-6	0	50	後藤
D	吉田 高橋	3	11-2 11-6 11-5	0	D	山本 本部
40	甲斐	2	11-4 11-4	0	40	矢野
フリー	高橋	2	11-3 11-5	0	フリー	本部

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子	コートNo.	19, 20
壮年男子 ・ 壮年女子	予選リーグ	A-5
ラージボール	決勝試合No.	

壮年女子		壮年女子
チーム名		チーム名
宮崎市		延岡市
選手氏名		選手氏名

60	小玉	3	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>4</td></tr> <tr><td>12</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>5</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	11	-	4	12	-	11	11	-	5	-	-	-	-	-	-	0	60	甲斐
11	-	4																			
12	-	11																			
11	-	5																			
-	-	-																			
-	-	-																			

50	松井	0	<table border="1"> <tr><td>3</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>8</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	3	-	11	8	-	11	-	-	11	-	-	-	-	-	-	3	50	吉田
3	-	11																			
8	-	11																			
-	-	11																			
-	-	-																			
-	-	-																			

D	小玉	1	<table border="1"> <tr><td>10</td><td>-</td><td>12</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>9</td></tr> <tr><td>8</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>5</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	10	-	12	11	-	9	8	-	11	5	-	11	-	-	-	3	D	甲斐
10	-			12																	
11	-	9																			
8	-	11																			
5	-	11																			
-	-	-																			
	松崎	高橋																			

40	松崎	2	<table border="1"> <tr><td>7</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>0</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>6</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>8</td></tr> <tr><td>4</td><td>-</td><td>11</td></tr> </table>	7	-	11	0	-	11	11	-	6	11	-	8	4	-	11	3	40	松田
7	-	11																			
0	-	11																			
11	-	6																			
11	-	8																			
4	-	11																			

フリー	齋田	0	<table border="1"> <tr><td>6</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>5</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>8</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	6	-	11	5	-	11	8	-	11	-	-	-	-	-	-	3	フリー	高橋
6	-	11																			
5	-	11																			
8	-	11																			
-	-	-																			
-	-	-																			

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子	コートNo.	21
壮年男子 ・ <u>壮年女子</u>	予選リーグ	A-6
ラージボール	決勝試合No.	

壮年女子				壮年女子																	
チーム名				チーム名																	
日南市		0 - 3		児湯郡																	
選手氏名				選手氏名																	
60	△ 山本	2	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>6</td></tr> <tr><td>7</td><td>-</td><td>5</td></tr> <tr><td>10</td><td>-</td><td>5</td></tr> <tr><td>9</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>6</td><td>-</td><td>11</td></tr> </table>	11	-	6	7	-	5	10	-	5	9	-	11	6	-	11	3	60	山本
11	-	6																			
7	-	5																			
10	-	5																			
9	-	11																			
6	-	11																			
50	徳村	0	<table border="1"> <tr><td>7</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>3</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>7</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	7	-	11	3	-	11	7	-	11	-	-	-	-	-	-	3	50	後藤
7	-	11																			
3	-	11																			
7	-	11																			
-	-	-																			
-	-	-																			
D	中津 坂元 ✓	1	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>5</td></tr> <tr><td>5</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>9</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>5</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	11	-	5	5	-	11	9	-	11	5	-	11	-	-	-	3	D	山本 本部
11	-	5																			
5	-	11																			
9	-	11																			
5	-	11																			
-	-	-																			
40	田中		<table border="1"> <tr><td>12</td><td>-</td><td>10</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>6</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	12	-	10	11	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-		40	矢野
12	-	10																			
11	-	6																			
-	-	-																			
-	-	-																			
-	-	-																			
フリー	平澤		<table border="1"> <tr><td>6</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>3</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	6	-	11	3	-	11	-	-	-	-	-	-	-	-	-		フリー	本部
6	-	11																			
3	-	11																			
-	-	-																			
-	-	-																			
-	-	-																			

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子	コートNo.	23
壮年男子 ・ 壮年女子	予選リーグ	B-1
ラージボール	決勝試合No.	

壮年女子				壮年女子	
チーム名				チーム名	
恩湯郡 A		3 - 0		小林市	
選手氏名				選手氏名	
60	黒木	3	11-2 11-8 11-1	0	60 中園
50	伊東	3	11-3 11-9 11-8	0	50 木島
D	伊東 宮越	3	12-10 11-5 11-7	0	D 児玉 中園
40	泥谷	3	11-6 11-3 11-6	0	40 横井
フリー	宮越		11-2 11-5		フリー 児玉

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子	コートNo.	24
壮年男子 ・ 壮年女子	予選リーグ	B-2
ラージボール	決勝試合No.	

壮年女子			壮年女子		
チーム名			チーム名		
都城市			東臼杵郡		
選手氏名			選手氏名		
60	西畑美智子	3	11-7 12-10 11-3	0	60 黒木
50	川崎心子	1	11-6 5-7 9-11	3	50 藤田
D	川崎心子 野中乃々	3	11-3 11-5 13-11	0	D 藤田 戸高
40	奥玉優子	3	11-5 11-3	0	40 稲葉
フリー	野中乃々		11-7 11-9 11-4		フリー 戸高

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子		コートNo.	23																	
壮年男子 ・ 壮年女子		予選リーグ	B-3																	
ラージボール		決勝試合No.																		
壮年女子		壮年女子																		
チーム名		チーム名																		
児湯郡 A		東臼杵																		
選手氏名		選手氏名																		
60	黒木	3	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>4</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>1</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>2</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	11	-	4	11	-	1	11	-	2	-	-	-	-	-	-	60	黒木ツエ子
11	-	4																		
11	-	1																		
11	-	2																		
-	-	-																		
-	-	-																		
50	宮越	3	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>5</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>3</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>2</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	11	-	5	11	-	3	11	-	2	-	-	-	-	-	-	50	藤田博子
11	-	5																		
11	-	3																		
11	-	2																		
-	-	-																		
-	-	-																		
D	伊東 宮越	3	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>4</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>4</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>7</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	11	-	4	11	-	4	11	-	7	-	-	-	-	-	-	D	黒藤田 戸高
11	-	4																		
11	-	4																		
11	-	7																		
-	-	-																		
-	-	-																		
40	泥谷	2	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>1</td></tr> <tr><td>11</td><td>-</td><td>5</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	11	-	1	11	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	40	稲葉祥子
11	-	1																		
11	-	5																		
-	-	-																		
-	-	-																		
-	-	-																		
フリー	伊東	1	<table border="1"> <tr><td>11</td><td>-</td><td>4</td></tr> <tr><td>6</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>7</td><td>-</td><td>11</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> <tr><td>-</td><td>-</td><td>-</td></tr> </table>	11	-	4	6	-	11	7	-	11	-	-	-	-	-	-	フリー	戸高幸代
11	-	4																		
6	-	11																		
7	-	11																		
-	-	-																		
-	-	-																		

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子	コートNo.	24
壮年男子 ・ <u>壮年女子</u>	予選リーグ	B-4
ラージボール	決勝試合No.	

壮年女子			壮年女子			
チーム名			チーム名			
都城市			小林市			
選手氏名			選手氏名			
60	野中 73み	3	3 - 0	1	60	サ 貝玉
50	貝玉 優子	3	11-7 11-4 10-12 11-2	0	50	横井
D	野中 73み 川崎 礼子	3	11-10 11-9 14-12	0	D	貝玉 中園
40	西畑 美智子	2	13-6 13-11 11-3	0	40	木島
フリー	川崎 礼子	2	11-2 11-4	0	フリー	中園

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子		コートNo.	22, 23
壮年男子 ・ 壮年女子		予選リーグ	B-5
ラージボール		決勝試合No.	

壮年女子	3-1	壮年女子
チーム名		チーム名
見湯郡 A		都城市
選手氏名		選手氏名

60	黒木	3	// - 5 // - 8 // - 8 - -	0	60	野中つるみ
50	宮越	3	// - 3 // - 4 // - 3 - -	0	50	西畑美智子
D	伊東 宮越	2	7 - // 7 - // // - 6 // - 9 9 - //	3	D	野中つるみ 川崎れい子
40	伊東	3	// - 6 // - 7 // - 6 - -	0	40	見玉優子
フリー	泥谷		// - 6 9 - // 10 - 12 - -		フリー	川崎れい子

みやざき県民スポーツ祭 記録用紙

成年男子 ・ 成年女子	コートNo.	24
壮年男子 ・ 壮年女子	予選リーグ	B-6
ラージボール	決勝試合No.	

壮年女子				壮年女子		
チーム名		0 - 3		チーム名		
選手氏名				選手氏名		
60	藤田 ^S	1	12 - 14 10 - 13 13 - 11 8 - 11	3	60	中園信子
50	黒木	0	5 - 11 7 - 11 5 - 11	3	50	木島直美
D	黒木 戸高 ^(北)	1	8 - 11 11 - 6 7 - 11 7 - 11	3	D	貝玉瞳子 中園信子
40	稲葉	2	11 - 9 12 - 10	0	40	横井利子
フリー	戸高	2	10 - 3 9 - 11 11 - 8	1	フリー	貝玉瞳子